

Phụ lục 03: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 của huyện Krông Bông

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				Thị trấn Krông Kmar	Xã Dang Kang	Xã Cư KTy	Xã Hòa Thành	Xã Hòa Tân	Xã Hòa Phong	Xã Hòa Lễ	Xã Yang Reh	Xã Ea Trul	Xã Khuê Ngọc Điền	Xã Cư Pui	Xã Hòa Sơn	Xã Cư Drăm	Xã Yang Mao
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	164.51	8.44	0.46	1.85	15.33	0.04	1.59	0.20	3.12	0.56	0.38	121.95	7.89	2.47	0.23
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	23.57	1.36	0.20	0.50	6.78		0.01		0.04	0.02	0.25	12.16	0.12	2.13	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	11.41	1.36	0.20	0.50	6.78		0.01		0.04	0.02	0.25		0.12	2.13	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	50.20	1.76	0.05	1.17	0.03		0.79	0.14	3.04	0.49	0.13	42.20	0.03	0.27	0.10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	46.43	3.42	0.21	0.18	8.40	0.04	0.79	0.06	0.04	0.05		25.40	7.64	0.06	0.13
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	38.00											38.00			
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	4.05											3.96	0.09		
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2.26	1.90			0.12							0.23	0.01		
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		1.76												0.63		1.13
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0.63												0.63		
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	1.13														1.13
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0.02	0.02													

Ghi chú: PKO là đất phi nông nghiệp không phải đất ở